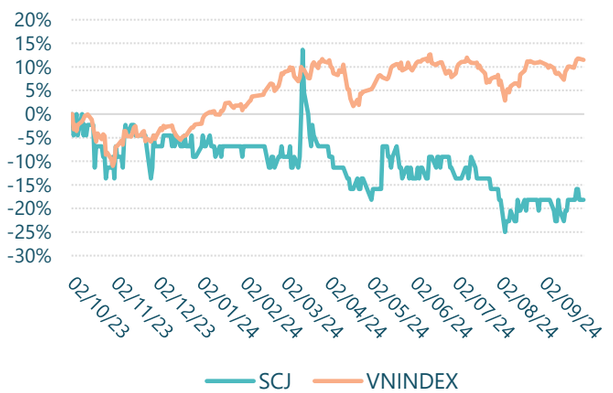
CTCP Xi măng Sài Sơn (UPCOM: SCJ)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	3,600 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	0%	-5.3%	-10.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,300 - 5,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	208
Số lượng CPLH (CP)	57,839,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,740
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.95
EPS	179
P/E	20.1

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q3/24

313

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.0 | 4.2%

YoY: ▲ 55.0 | 21.1%

Nợ/VCSH

Q3/24

152%

YoY: +/-▲ 2.7%

LN gộp

Q3/24

30.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.50 | -12.9%

ROE (TTM)

Q3/24

1.5%

YoY: +/-▲ 0.4%

LN trước thuế

Q3/24

6.49

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.40 | 110%

YoY: ▲ 3.39 | 109%

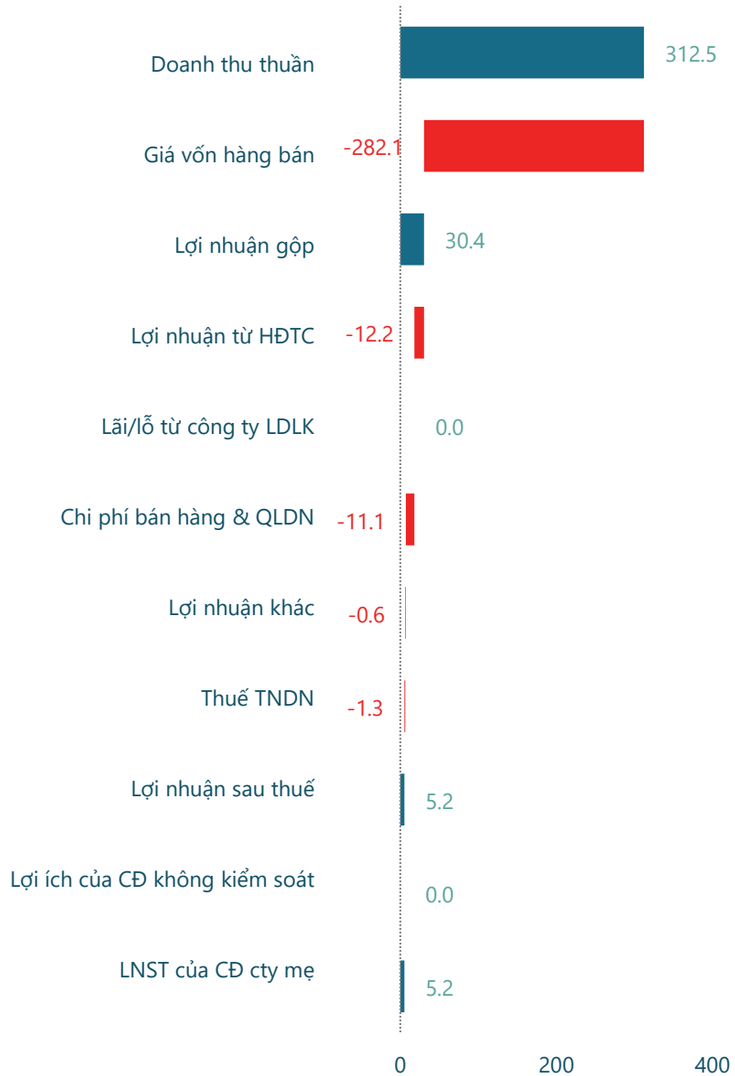
ROA (TTM)

Q3/24

0.6%

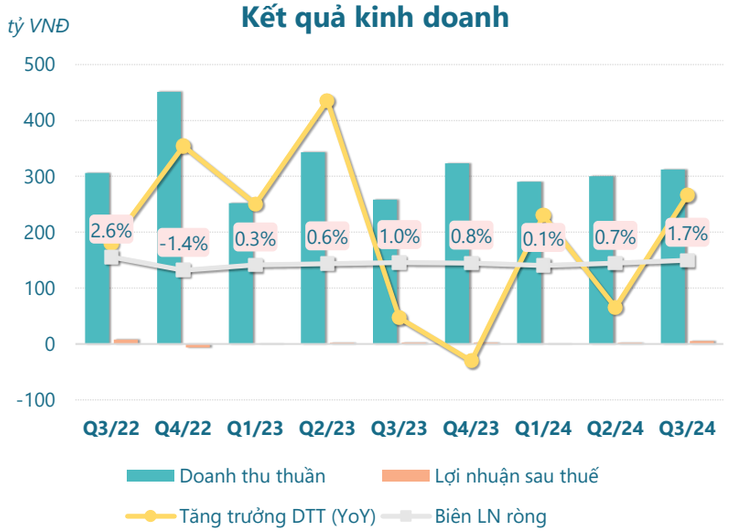
YoY: +/-▲ 0.2%

Kết quả kinh doanh Q3/24



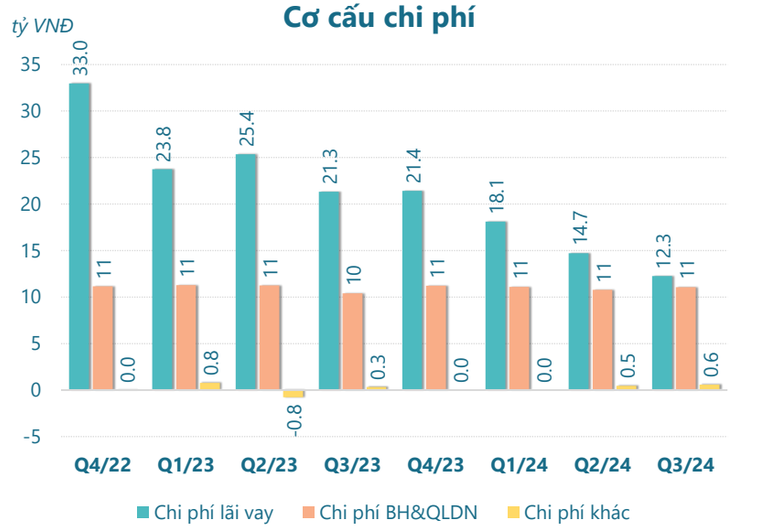
CTCP Xi măng Sài Sơn (UPCOM: SCJ)

FireAnt



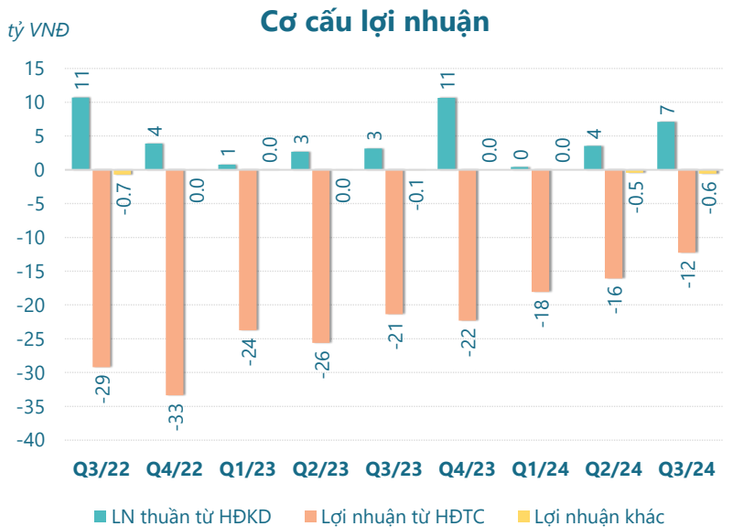
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 7.07 tỷ đồng**, tăng thêm 99.7% so với kỳ trước và cao hơn 124% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 12.25 tỷ đồng** tăng thêm 3.83 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 9.09 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.58 tỷ đồng** giảm đi 0.13 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.52 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **SCJ** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **312.5 tỷ đồng** tăng thêm **21.0%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 5.19 tỷ đồng**, **tăng trưởng 109%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **903.0 tỷ đồng** cao hơn 5.86% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 8.00 tỷ đồng** cao hơn 60.0% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **12.25 tỷ đồng** giảm đi 16.7% so với kỳ trước và thấp hơn 42.6% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **11.08 tỷ đồng** tăng thêm 2.88% so với kỳ trước và cao hơn 6.64% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.58 tỷ đồng** tăng thêm 28.9% so với kỳ trước và cao hơn 75.8% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Xi măng Sài Sơn (UPCOM: SCJ)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**313**	**300**	**4.2%**	**258**	**21.1%**	**903**	**853**	**5.8%**
Giá vốn hàng bán	282	270	4.5%	223	26.5%	812	743	9.3%
Lợi nhuận gộp	30.4	30.4	0.0%	34.9	-12.9%	90.4	110	-18.0%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.02	-93.6%	0.00		0.03	0.21	-84.0%
Chi phí TC	12.3	16.1	-23.9%	21.3	-42.5%	46.5	70.9	-34.5%
Chi phí lãi vay	12.3	14.7	-16.7%	21.3	-42.5%	45.1	70.5	-36.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.27	2.17	4.6%	1.93	17.6%	6.18	6.22	-0.7%
Chi phí QLDN	**8.81**	**8.60**	**2.4%**	**8.47**	**4.0%**	**26.8**	**26.7**	**0.2%**
LN thuần từ HĐKD	7.07	3.54	99.8%	3.16	124%	11.0	6.59	67.6%
Lợi nhuận khác	**-0.58**	**-0.45**	**-29.4%**	**-0.06**	**-871%**	**-1.03**	**-0.03**	**-3149%**
LN trước thuế	6.49	3.09	110%	3.10	109%	10.0	6.56	52.6%
Lợi nhuận sau thuế	**5.19**	**2.21**	**135%**	**2.48**	**109%**	**7.75**	**5.14**	**50.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.19**	**2.21**	**135%**	**2.48**	**109%**	**7.75**	**5.14**	**50.7%**

